| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ LÁCH**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Hơn

Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Kiều T**, sinh năm: 1995; địa chỉ: số nhà B tuyến bờ N ấp T, thị trấn C, huyện C, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: **Ông Trần Văn X**, sinh năm: 1986; địa chỉ: số nhà C ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà T có mặt, ông X vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 19/12/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T trình bày:

Bà T và ông X tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/02/2017. Sau khi kết hôn, bà T và ông X sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Bà T và ông X đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà T nhận thấy đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông X. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Trần Lê An N, sinh ngày 23/5/2017 và cháu Trần Lê Thiên L, sinh ngày 21/5/2020, hiện tại hai cháu N và L đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và L. Bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T trình bày không có.

Phía bị đơn ông Trần Văn X đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông X vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông X.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông X, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông X.

Về con chung: Bà T và ông X có 02 người con chung là cháu Trần Lê An N, sinh ngày 23/5/2017 và cháu Trần Lê Thiên L, sinh ngày 21/5/2020. Sau khi ly hôn, bà T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu L. Bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: bà T trình bày không có.

Về nợ chung: bà T trình bày không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn ông Trần Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông X.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy bà T và ông X tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/3/2017. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Bà T và ông X sống ly thân

từ năm 2023 đến nay. Điều này cũng phù hợp biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 14/02/2025 của Tòa án tại địa phương. Bà T xác định đã không còn tình cảm với ông X nên xin được ly hôn với ông X. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà T và ông X đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Mặc dù ông X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông X không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3]. *Về con chung*:

Bà T và ông X có 02 người con chung là cháu Trần Lê An N, sinh ngày 23/5/2017 và cháu Trần Lê Thiên L, sinh ngày 21/5/2020, hiện tại hai cháu N và L đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và L. Bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Trần Lê An N và Trần Lê Thiên L.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai người con chung tên Trần Lê An N và Trần Lê Thiên L đang sống với bà T, điều kiện sinh hoạt về vật chất và tinh thần được đảm bảo. Điều này cũng phù hợp biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 14/02/2025 của Tòa án. Hơn nữa, tại biên bản hỏi ý kiến ngày 19/12/2024 của Tòa án thì cháu Trần Lê An N có nguyện vọng được sống với bà T; cháu Trần Lê Thiên L, sinh ngày 21/5/2020 hiện còn nhỏ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của con chung về mặt vật chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc để bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Lê An N và Trần Lê Thiên L. Tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do ông X vắng mặt nên không có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con chung. Bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng cho hai con chung. Đây là sự tự nguyện của bà T nên ghi nhận.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Bà T trình bày không có.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều T đối với ông Trần Văn X. Bà T được ly hôn với ông X. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. *Về con chung*: Bà T và ông X có 02 người con chung tên Trần Lê An N, sinh ngày 23/5/2017 và Trần Lê Thiên L, sinh ngày 21/5/2020. Sau khi ly hôn, bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Lê An N và Trần Lê Thiên L. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Trần Lê An N và Trần Lê Thiên L.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà T trình bày không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà T phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005798 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre.

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**